TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NINH HÒA** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 24/2020 /HNGĐ-ST Ngày 01/6/2020 V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Hải Hùng

Ông Nguyễn Chung

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Vũ Kim Kúc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 461/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2020, thông báo thay đổi thời gian xét xử số 197/TB-TA ngày 03/4/2020; thông báo ngày xét xử số 217/TB-TA ngày 23/4/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13/5/2020 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thủy T,** sinh năm 1994

Địa chỉ: Số 58 đường V, khóm X, phường Y, thành phố B1, tỉnh B. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Trần Vũ Th,** sinh năm 1987

Địa chỉ: Tổ dân phố Z, phường N1, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thủy T trình bày: Bà và ông Trần Vũ Th tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N1, thị xã N năm 2016. Quá trình chung sống, vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên mâu thuẫn kình cãi nhau, ông Th nhiều lần đánh đập, dùng dao kề cổ đe dọa giết bà. Do cuộc sống chung không hạnh phúc và bị bạo lực nên tháng 10 năm 2019, bà phải ẵm con về B sinh sống. Bà và ông

Th cũng không còn sống chung kể từ đó đến nay. Nay bà thấy vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không còn tình cảm, thương yêu nhau, không thể sống chung với nhau được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Vũ Th.

Về con chung: Bà và ông Th có 01 con chung là Trần Nhã Tr, sinh ngày 09 tháng 5 năm 2017. Do con chung còn nhỏ và hiện đang ở với bà nên bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Trần Vũ Th: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục triệu tập, xác minh, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đối với ông Th nhưng ông Th không đến Tòa án để giải quyết vụ án và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không thu thập được lời khai và ý kiến của ông Trần Vũ Th đối với các vấn đề cần giải quyết của vụ án.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập được gồm: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn; trích lục khai sinh của Trần Nhã Tr; bản photo chứng minh nhân dân Nguyễn Thị Thủy T; bản photo sổ hộ khẩu chủ hộ Nguyễn Khắc Th; biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thủy T và ông Trần Vũ Th.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định, riêng bị đơn không chấp hành theo pháp luật tố tụng.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Thủy T được ly hôn với ông Trần Vũ Th; về con chung: giao cháu Trần Nhã Tr cho bà Nguyễn Thị Thủy T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành. Ông Th không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thủy T xác định không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được

xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn ông Trần Vũ Th cư trú tại thị xã N, tỉnh Khánh Hòa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thủy T và ông Trần Vũ Th tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường N1, thị xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 144/2016, ngày 24/10/2016 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa bà T và ông Th phát sinh nhiều mâu thuẫn khiến cho tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn quan tâm, thương yêu nhau và không còn sống chung với nhau từ tháng 10 năm 2019 đến nay. Bà T xác định không còn tình cảm với ông Th nên yêu cầu ly hôn với ông Th. Bị đơn ông Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án, chứng tỏ ông Th có thái độ bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ gia đình với bà T. Như vậy có thể thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông Th đã thực sự trầm trọng, việc kéo dài đời sống chung sẽ không mang lại lợi ích cho hai bên và mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững không đạt được; yêu cầu xin ly hôn của bà T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thủy T và ông Trần Vũ Th có 01 con chung là Trần Nhã Tr, sinh ngày 09 tháng 5 năm 2017. Xét thấy cháu Trần Nhã Tr là con gái và còn nhỏ tuổi, cần sự chăm sóc của người mẹ, do đó yêu cầu của bà T về việc được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tr là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Th không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu.

Ông Th có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thủy T xác định không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thủy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thủy T được ly hôn ông Trần Vũ Th.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Nhã Tr, sinh ngày 09 tháng 5 năm 2017 cho bà Nguyễn Thị Thủy T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành. Ông Trần Vũ Th không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Nguyễn Thị Thủy T không yêu cầu.

Ông Th có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thủy T xác định không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thủy T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0008943 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N. Bà Nguyễn Thị Thủy T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Quy định: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND phường N1(GCNKH số 144/2016 ngày 24/10/2016);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Thị Quỳnh Trang